

## KẾT QUẢ KINH DOANH

|            |            |         |         |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày       | 15,000 VNĐ |         |         |
| 31/12/2024 |            |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|            | 9.5%       | 56.3%   | 57.9%   |

|          |        |                          |
|----------|--------|--------------------------|
|          | 2024   |                          |
| DT thuần | 10.9   | YoY<br>▼ 5.40<br>▼ 33.4% |
|          | tỷ VNĐ |                          |

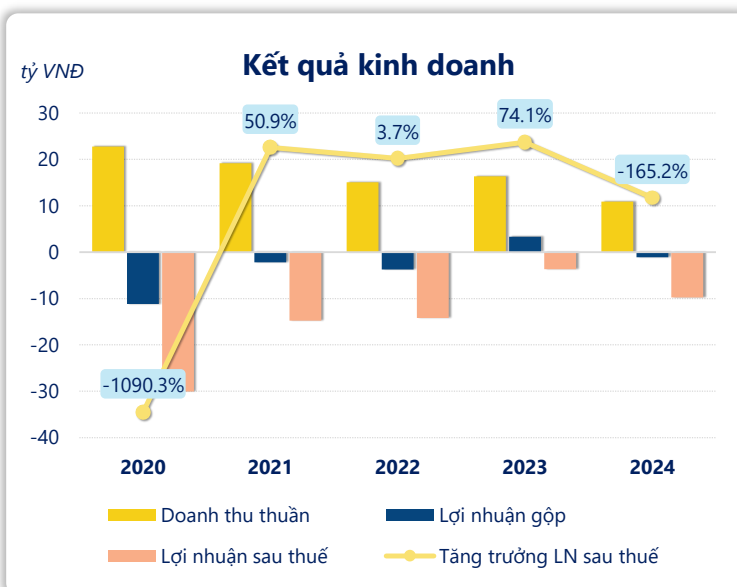
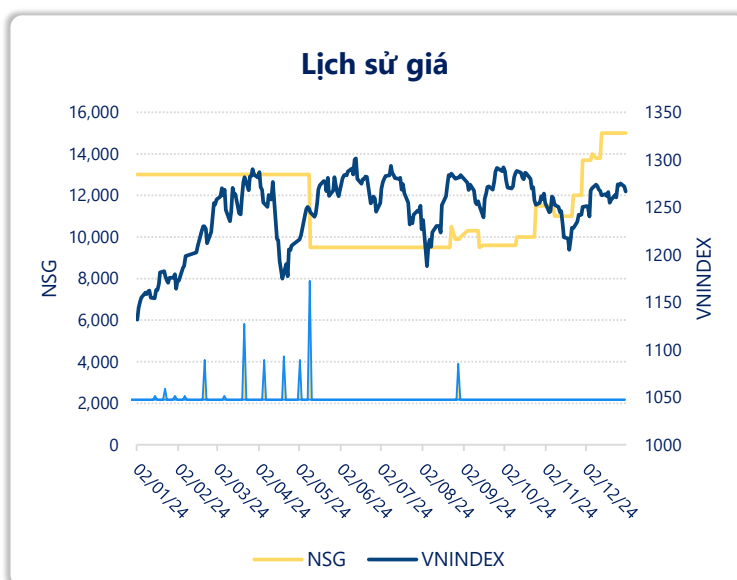
|        |        |                         |
|--------|--------|-------------------------|
|        | 2024   |                         |
| LN gộp | -1.09  | YoY<br>▼ 4.40<br>▼ 133% |
|        | tỷ VNĐ |                         |

|          |        |                         |
|----------|--------|-------------------------|
|          | 2024   |                         |
| LN thuần | -9.52  | YoY<br>▲ 0.88<br>▲ 8.7% |
|          | tỷ VNĐ |                         |

|             |        |                         |
|-------------|--------|-------------------------|
|             | 2024   |                         |
| LN sau thuế | -9.76  | YoY<br>▼ 6.08<br>▼ 165% |
|             | tỷ VNĐ |                         |

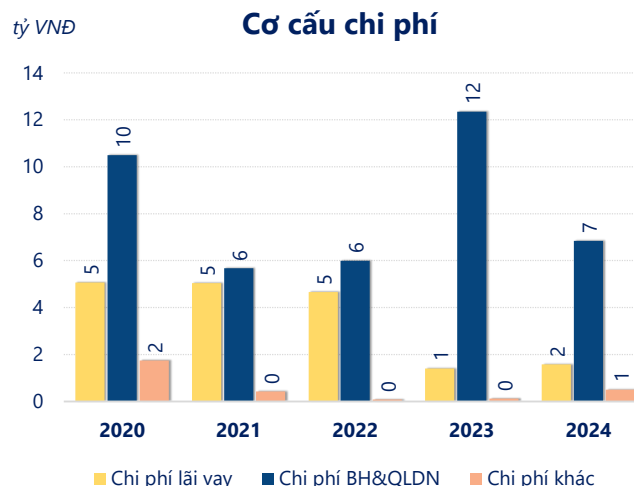
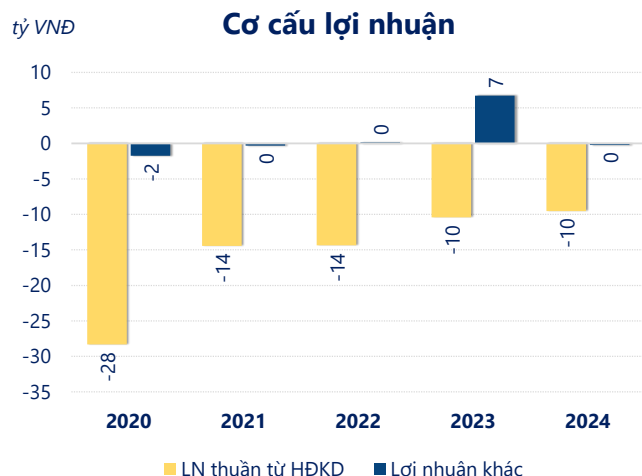
|     |       |                    |
|-----|-------|--------------------|
|     | 2024  |                    |
| ROE | 56.3% | +/- YoY<br>▲ 23.4% |

|     |        |                   |
|-----|--------|-------------------|
|     | 2024   |                   |
| ROA | -14.0% | +/- YoY<br>▼ 9.0% |



Năm **2024**, **NSG** ghi nhận doanh thu thuần **10.88** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **-9.76** tỷ đồng, lần lượt **giảm 33.4%** và **giảm 165%** so với năm trước.

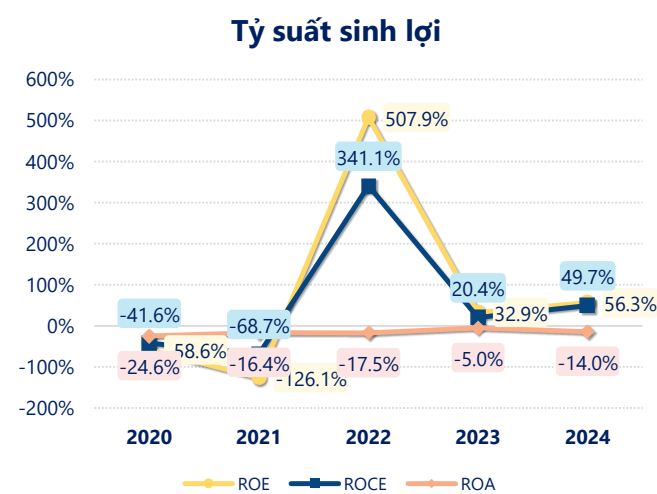
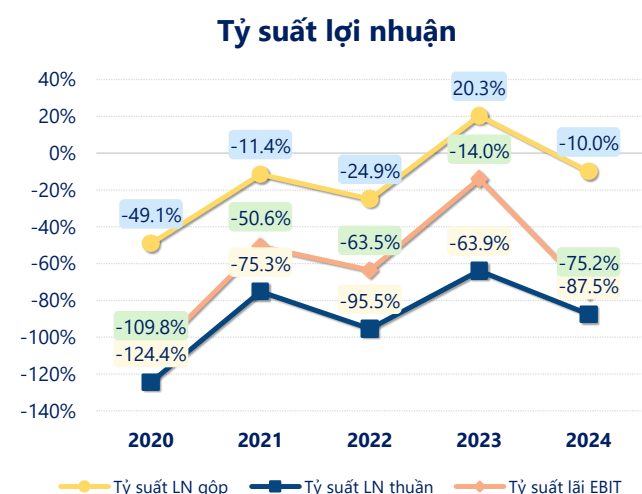
Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng 56.3% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.



**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** của NSG năm 2024 tăng lên 0.91 tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 9.52 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm 2020 là 28.33 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

**Chi phí lãi vay tăng** lên so với năm trước, ở mức 1.58 tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn 6.85 tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng 0.51 tỷ đồng, **tăng** lên so với năm trước.

**ROE** của NSG năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng 56.3%, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



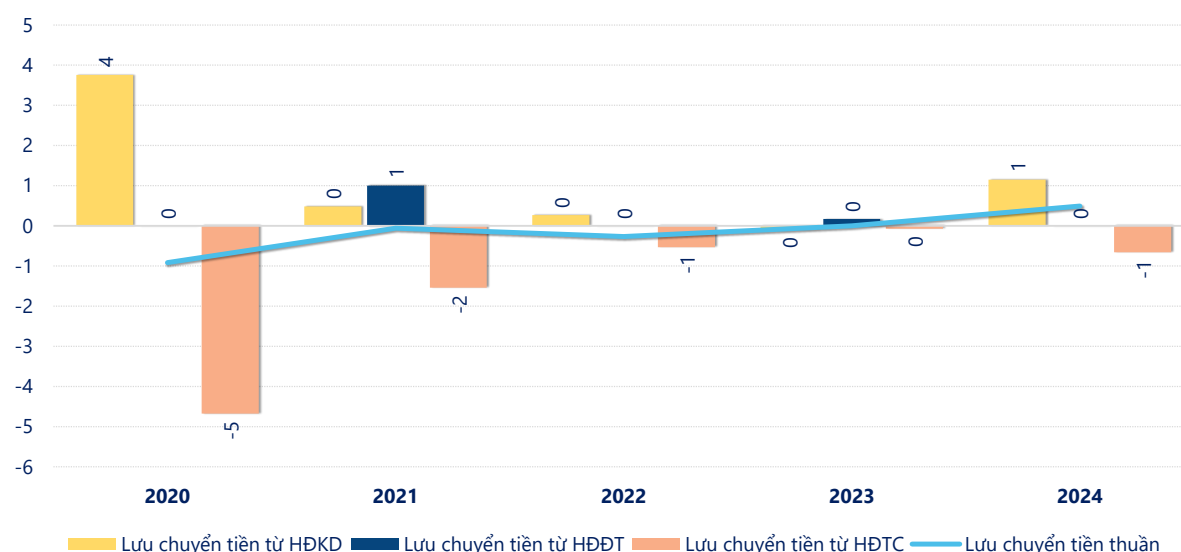
## KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

|                           | 2020         | 2021         | 2022         | 2023         | 2024         |
|---------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>    | <b>22.8</b>  | <b>19.2</b>  | <b>15.0</b>  | <b>16.3</b>  | <b>10.9</b>  |
| Giá vốn hàng bán          | 34.0         | 21.4         | 18.8         | 13.0         | 12.0         |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>      | <b>-11.2</b> | <b>-2.19</b> | <b>-3.74</b> | <b>3.31</b>  | <b>-1.09</b> |
| Doanh thu HĐTC            | 0.00         | 0.00         | 0.03         | 0.00         | 0.00         |
| Chi phí TC                | 6.65         | 6.56         | 4.66         | 1.39         | 1.58         |
| <b>Chi phí lãi vay</b>    | <b>5.06</b>  | <b>5.05</b>  | <b>4.66</b>  | <b>1.40</b>  | <b>1.58</b>  |
| LN trong công ty LKLD     | 0            | 0            | 0            | 0            | 0            |
| Chi phí bán hàng          | 1.51         | 1.74         | 1.14         | 2.07         | 1.04         |
| Chi phí QLDN              | 8.99         | 3.94         | 4.85         | 10.3         | 5.80         |
| <b>LN thuần từ HĐKD</b>   | <b>-28.3</b> | <b>-14.4</b> | <b>-14.4</b> | <b>-10.4</b> | <b>-9.52</b> |
| Lợi nhuận khác            | -1.74        | -0.33        | 0.15         | 6.75         | -0.24        |
| <b>LN trước thuế</b>      | <b>-30.1</b> | <b>-14.8</b> | <b>-14.2</b> | <b>-3.68</b> | <b>-9.76</b> |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b> | <b>-30.1</b> | <b>-14.8</b> | <b>-14.2</b> | <b>-3.68</b> | <b>-9.76</b> |
| <b>LNST của CĐ cty mẹ</b> | <b>-30.1</b> | <b>-14.8</b> | <b>-14.2</b> | <b>-3.68</b> | <b>-9.76</b> |

tỷ VNĐ

## Lưu chuyển tiền



**Lưu chuyển tiền thuần** năm 2024 của NSG bằng **0.49** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (0.00 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **1.15** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **0.00** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-0.66** tỷ đồng.